

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+TD3+P9	7:25	14+0+4	0+0+0		5+0+17	0+0+0	chuyen 5 td2-td3
2		TD1+RP3+TD2	7:25	11+11+0	0+0+0		8+0+14	0+0+0	
3		C10+TD1	9:25	17+4	0+0		12+10	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD2 - TD3 - P9	CREW: HUNG - MTHAO - Tú	ETA: 09:20
XANH-1			

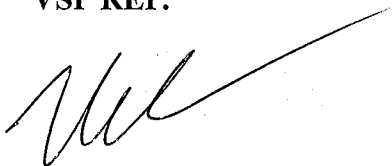
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MẠNH THĂNG	TD2	85	1	3	47	75	KHOAN	Vietnamese
2	GONCHAROV SERGEY	TD2	77	1	8		100	KHOAN	Russian
3	VŨ SĨ HOAI THANH	TD2	86-87	2	10		62	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯƠNG THANH TUNG	TD2	88	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
5	LÝ ANH TUÂN	TD2	92	1	7		87	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	TD2	78	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN HUNG HUNG	TD2	82	1	3		97	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	TD2	89-91	3	18		71	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ XUÂN HAI	TD2	79	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
10	MAI VĂN HOANG	TD2	74	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ XUÂN PHONG	TD2	80-81	2	18		77	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM ĐÌNH BẢO	TD2	75	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ THANH DƯƠNG	TD2	83-84	2	15		82	D-HANH	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HAI	TD2	76	1	5		50	PSV	Vietnamese
15	FIRSOV EVGENII	P9	04-06	3	20	35	105	KHOAN	Russian
16	TRẦN VĂN BÌNH	P9	03	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN CHANH	P9	29	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN THAI PHUOC TRUNG	P9	02	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

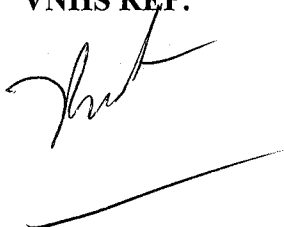
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	14	19	117	1.032	47	515		CHUYEN 5 PAX TD2-TD3
2	TD3	0	0	0	0	0	0		
3	P9	4	6	36	306	35	17		
TOTAL		18	25	153	1.338	82	22		
WEIGHT KG				153	1.338	82			

GRAND TOAL: 1.573 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/11/2023	TO: TD1 - RP3 - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - Thành	ETA: 09:25
cam-1			

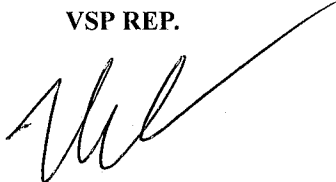
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THOAI	TD1	42	1	4		70	YTE	Vietnamese
2	SHMAKOV ALEXANDER	TD1	49	1	10		76	KHOAN	Russian
3	PHAM TIEN NINH	TD1	41	1	5	44	74	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN HUY QUANG	TD1	45	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN QUANG	TD1	43	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
6	DINH QUANG TRUONG	TD1	48	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN PHONG	TD1	44	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG XUÂN HỘI	TD1	46	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN THANH	TD1	50	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM QUANG ANH	TD1					81	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN THANH TUAT	TD1	47	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TRUONG	RP3	43-44	2	8		82	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THAI DUONG	RP3	48	1	9		55	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN XUAN	RP3	47	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN PHAN	RP3	49	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÀU CAO KHANG	RP3	41	1	6	70	52	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN DUY LINH	RP3	42	1	6		95	KHOAN	Vietnamese
18	LE THANH NGOC	RP3	45-46	2	15		50	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN VAN THANH	RP3	50	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGÔ HỒNG GIANG	RP3	39-40	2	15		72	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN DANH NHỎ	RP3	36	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
22	PHAN VAN TRINH	RP3	37-38	2	14		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

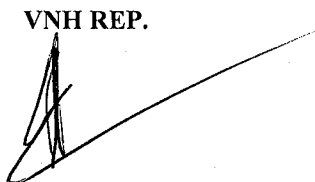
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	11	10	54	786	44	8		
2	RP3	11	15	95	738	70	0		
3	TD2	0	0	0	0	0	14		
TOTAL		22	25	149	1.524	114	22		
WEIGHT KG				149	1.524	114			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: CLO - TD1	CREW: HUNG - MTHAO - Tú	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN KHANG	CLO	21-22	2	11	52	72	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN LẬP QUỐC	CLO	16	1	8	20	65	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG MINH PHUC	CLO	24-25	2	11		82	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	23	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC AN	CLO					75	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN QUYNH	CLO	30-31	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN THẾ NHƯ	CLO	19-20	2	11		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH CUONG	CLO					82	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH NHÂN	CLO	29	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	CLO	17-18	2	16		75	CODIEN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HUÂN	CLO	26	1	8		63	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN TOÀN THẮNG	CLO	28	1	15		77	CODIEN	Vietnamese
13	CHU TUẤN ANH	CLO	32-33	2	18		58	CODIEN	Vietnamese
14	LÊ TRỌNG DŨNG	CLO	14-15	2	20		72	CODIEN	Vietnamese
15	YANCHENKO SERGEY	CLO	27	1	11		80	ANTOAN	Russian
16	TRẦN MẠNH HUNG	TD1	37	1	5	30	70	KHOAN	Vietnamese
17	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	38	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRƯỜNG XUÂN TRUNG	TD1	34	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	35-36	2	6		82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

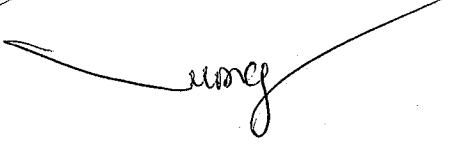
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	15	20	151	1.062	72	12		
2	TD1	4	5	23	298	30	10		
TOTAL		19	25	174	1.360	102	22		
WEIGHT KG				174	1.360	102			

GRAND TOAL: 1.636 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC6+TD2+RP1	7:25	2+18+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	chuyen 2 rc6-rp1
2		P10+TD3+BK6	7:25	8+14+0	0+0+0		6+12+0	0+0+0	chuyen 4 td3-bk6
3		BK3+PPD+P11	7:25	5+5+11	0+0+0		6+4+12	0+0+0	chuyen 1 bk3-ppd
4		TD2+P2	9:25	3+16	0+0		1+21	0+0	chuyen 5 td2-p2
5		P9+BK15	9:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
6		TD5+P1	9:25	22+0	0+0		17+4	0+0	
7		P9+BK8+TD3	11:25	10+0+10	0+0+0		5+2+14	0+0+0	chuyen 1 bk8-td3
8		P10+BK10+BK5	11:25	17+4+1	0+0+0		17+4+1	0+0+0	
9		P4-BK15+P10	11:25	3+14+1	0+0		0+2+20	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/1 người P11 về bờ đi P9, 4 nguoi đi P10 về trong ngày, 5 người đi TD2 sau chuyển sang P2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/11/2023	TO: RC6 - TD2 - RP1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VThắng - THỤ -	ETA: 09:30
VANG-1		DSon	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM MINH HÙNG	RC6	76	1	17	58	80	GPWS	Vietnamese
2	VU HOANG TÂN	RC6	75	1	15	60	90	KH-THAC	Vietnamese
3	BUZANOV ALEKSEI	TD2	15	1	2		89	D-HANH	Russian
4	SHAKIROV EDUARD	TD2	14	1	5		125	D-HANH	Russian
5	DEREVIANKO ARTEM	TD2	13	1	5		80	D-HANH	Russian
6	POPOV ALEXEY	TD2	16	1	5		81	D-HANH	Russian
7	ALEKSEEVA OLGA	TD2	17	1	8		74	D-HANH	Russian
8	VU NGOC HOAN	TD2	03	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
9	LE VAN XUAN	TD2	06	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
10	LE VINH THUAT	TD2	05	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
11	LE VAN NAM	TD2					77	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VIET LINH	TD2	07	1	10		105	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ XUÂN VANG	TD2	12	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TỰ	TD2	01	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
15	ĐINH TIỀN HỮU	TD2	02	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	DUONG QUOC VINH	TD2	04	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN THE DUNG	TD2	08	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NAM (KS)	TD2	09	1	15		70	DVL	Vietnamese
19	MULNIUCHKIN L	TD2	10	1	14		93	DVL	Russian
20	NGUYEN XUAN VINH	TD2	11	1	15		90	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	2	2	32	170	118	0+2		CHUYEN 2 PAX RC6-RP1
2	TD2	18	17	122	1.458	0	18		
3	RP1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	19	154	1.628	118	22		
WEIGHT KG				154	1.628	118			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2023	TO: P10 - TD3 - BK6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LTuấn - Dương - MQUÂN	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC DŨNG	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC ANH TUÂN	P10					74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH DŨNG	P10					92	KH-THAC	Vietnamese
5	KLỘC	P10	29	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ DUY KHƯƠNG	P10	28	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIÊN HOANG SƠN	P10	30	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGUYỄN NGỌC	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VĂN THƯƠNG	TD3	64	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	74	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG MINH TOÀN	TD3	65	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
12	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	72-73	2	13		72	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ ANH THOẠI	TD3	70	1	5		92	KHOAN	Vietnamese
14	QUÁCH VĂN THẮNG	TD3	67	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	71	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	68	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN THẮNG LỢI	TD3	69	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN GIN	TD3	82	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM HỮU HUÂN	TD3	81	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	66	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN CAO HOANG	TD3	80	1	5	80	75	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN SƠN HAI	TD3	75	1	3		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	8	3	20	581	0	6		CHUYỂN 04-PAX TỪ TD3 SANG BK6
2	TD3	14	15	94	1.031	80	12	4	
3	BK6	0	0	0	0	40	0		
TOTAL		22	18	114	1.612	120	18		
WEIGHT KG				114	1.612	120			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

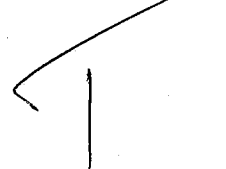
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: BK3 - PPD - P11	CREW: CHIẾN - XTrường - DTùng	ETA: 09:25
Cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO VĂN ĐỨC	BK3	22	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ XUÂN THUY	BK3	97-98	2	9		69	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ANH NGỌC	BK3	07	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG LƯU	BK3	99	1	9	35	66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LINH	BK3	04	1	5		73	PSV	Vietnamese
6	ĐOÀN VIỆT ĐIỆP	PPD	11	1	3		63	KHI	Vietnamese
7	PONOMARENKO E.H	PPD	12	1	8		90	KHI	Russian
8	IMAEV B.X	PPD	14	1	7	60	76	KHI	Russian
9	SHEREMETIEV A.B	PPD	13	1	9		78	KHI	Russian
10	TRẦN HỮU ĐỨC	PPD	15-16	2	15		85	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY HÀ	P11	45	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VIỆT DUNG	P11	14	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	18	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P11	38-39	2	17		97	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	37	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN KIM THẠCH	P11	17	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC XUÂN	P11	43-44	2	9		58	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU NGŨ	P11	40	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HÙNG	P11	16	1	7	5	65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ MINH HỘI	P11	41-42	2	7		68	PSV	Vietnamese
21	LÊ THANH HAI	P11	15	1	6		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	5	6	38	337	35	6	4	CHUYEN 1 PAX BK3-PPD
2	PPD	5	6	42	392	60	4		
3	P11	11	14	85	769	5	12		
TOTAL		21	26	165	1.498	100	22		
WEIGHT KG				165	1.498	100			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 4	TO: TD2 - P2	CREW: ĐỨC - VThắng - THỤ - DSon	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN CHUNG	TD2	20	1	18		77	DVL	Vietnamese
2	PHAN VINH TRUONG	TD2	19	1	12	15	67	DVL	Vietnamese
3	VU VAN NAM	TD2	21	1	12		65	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN DUY KHANG	P2	14	1	4		83	YTE	Vietnamese
5	TRAN DOAN HUONG	P2	05	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN ANH ĐỨC	P2	01	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG DINH QUE	P2	03	1	9		86	KH-THAC	Vietnamese
8	PHUNG ANH TUAN	P2	38	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
9	VU THANH LONG	P2	06	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUU PHI	P2				80	71	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	39	1	12	76	67	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN KHÁC CÁN	P2	09	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
13	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	04	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	02	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HA VAN TRUNG	P2	35	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH NHÂN	P2	07-08	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG HOANG HIEU	P2	36-37	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN CAO	P2	34	1	10		57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	3	3	42	209	15	1	5	CHUYEN 5 PAX TD2-P2
2	P2	16	16	118	1.108	156	21		
TOTAL		19	19	160	1.317	171	22		
WEIGHT KG				160	1.317	171			

GRAND TOAL: 1.648 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Liệu VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: P9 - BK15	CREW: L Tuấn - Dương - M QUÂN	ETA: 11:40
xanh-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P9	44	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN LINH	P9	40	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	VÕ HỒNG TÍN	P9	45-46	2	14		85	YTE	Vietnamese
4	KUZMENKO T.V.	P9	49	1	6		82	KH-THAC	Russian
5	ĐOÀN VĂN TRĂNG	P9					70	KH-THAC	Vietnamese
6	LY BĂNG	P9	47	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
7	SANKOV A.G.	P9	48	1	5		93	KH-THAC	Russian
8	TRẦN THANH HAI	P9	38	1	5		80	KH THAC	Vietnamese
9	LÊ MINH THUY	P9	43	1	5		70	KH THAC	Vietnamese
10	NGÔ ĐỨC MINH	P9	34-35	2	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN DUY	P9	36-37	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI NGOC THAN	P9					72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ AN CHUNG	P9	42	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ MINH THỦY	P9	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	P9	33	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT THANG	P9	39	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HÀ	P9	32	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC HAI	BK15	83	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC TUNG	BK15	82	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG KHA	BK15	85	1	9	30	78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN DINH THANG	BK15	84	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT ANH	BK15	86	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

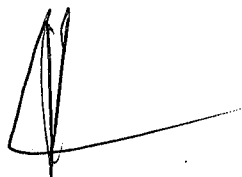
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	17	18	100	1.257	0	16		
2	BK15	5	5	34	345	30	6		
TOTAL		22	23	134	1.602	30	22		
WEIGHT KG				134	1.602	30			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

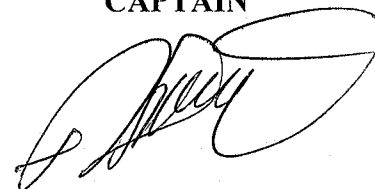
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2023	TO: TD5 - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: CHIẾN - XTrường - DTùng	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	99	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	06	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	03-04	2	9		93	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	13	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	11	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
6	HÀ QUỐC DUNG	TD5	98	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VINH TRÁ	TD5	12	1	11		63	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VINH DUY	TD5	14	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC CUÔNG	TD5	600	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHÙNG NGUYỄN NGỌC	TD5	15	1	3		89	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN TUÂN ANH	TD5	05	1	11		91	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD5	01-02	2	8		70	YTE	Vietnamese
13	COLOBEBA E.A. (Coloreva)	TD5	26	1	5		48	ЗАРУБЕЖИ	Russian
14	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	TD5	09-10	2	15		76	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VIỆT THẮNG	TD5	16	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
16	PHẦN TRỌNG NGHĨA	TD5	19-20	2	12		64	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN ĐẶC MINH	TD5	07-08	2	8		78	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN CÔNG KHÁC	TD5	17	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
19	GILEMKHANOV RUSLAN	TD5	25	1	8		84	KHOAN	Russian
20	LÀ QUÝ DANH	TD5	21	1	7		62	DVL	Vietnamese
21	HỒ VĂN ANH	TD5				48	78	PSV	Vietnamese
22	VƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	TD5	18	1	7		87	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	26	166	1.585	48	17		
2	P1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	26	166	1.585	48	21		
WEIGHT KG				166	1.585	48			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

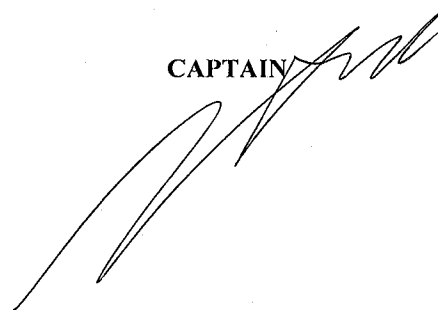
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 7	TO: P9 - BK8 - TD3	CREW: ĐỨC - VThắng - THỤ - D Sơn	ETA: 14:10
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ĐÌNH THUẬN	P9	50	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN BẢNG	P9	54	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN DŨNG	P9	52	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ SỸ BÌNH	P9	51	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN CỬ	P9					57	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN TUNG	P9	58	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HAI	P9	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CAO CHI	P9	53	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ TRƯỞNG KIẾN	P9	56-57	2	14		93	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN TUỆ	P9	59	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG DŨNG	TD3	93	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	TD3	89-91	3	15		83	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO ĐĂNG ĐỨC	TD3					75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỒNG VĂN THỊNH	TD3	94	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	TD3	88	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC QUANG	TD3	83	1	20		61	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐÌNH QUANG DŨNG	TD3	84-85	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN MẠNH	TD3	92	1	4		65	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THẠCH	TD3	86-87	2	10		53	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TUẤN HAI	TD3	95	1	5	35	60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	10	10	54	680	0	5		CHUYEN 1 PAX BK8-TD3
2	BK8	0	0	0	0	55	2+1		
3	TD3	10	13	92	682	35	14		
TOTAL		20	23	146	1.362	90	21		
WEIGHT KG				146	1.362	90			

GRAND TOAL: 1.598 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	TO: P10 - BK10 - BK5	CREW: XHOÀN - MTHAO - HIẾU	ETA: 14:00
XANH-3			

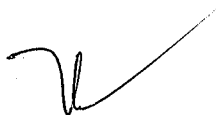
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P10	43	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH KHOA	P10	33	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ NGỌC HAI	P10	44-45	2	17		95	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG MINH TÂN	P10	49-50	2	15	8	77	YTE	Vietnamese
5	LÊ HỒNG CUÔNG	P10	35-36	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC BA	P10					76	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ BẢO TRUNG	P10	48	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC THANH	P10	32	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN LỢI	P10	47	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	42	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	40	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	31	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ CHI HIẾU	P10	38	1	18	20	75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	37	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY HOÀNG	P10	46	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HIẾU LIÊM	P10	34	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	32	1	8	50	80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10					81	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HOANG GIANG	BK10	31	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	30	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI QUANG DUY	BK5	71	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	17	19	135	1.254	28	17		
2	BK10	4	3	24	290	50	4		
3	BK5	1	1	12	78	0	1		
TOTAL		22	23	171	1.622	78	22		
WEIGHT KG				171	1.622	78			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/11/2023	TO: P4 - BK15 - P10	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: HUNG - HTrung - Thành	ETA: 14:05
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VO THANH TIEN	P4	82	1	8		86	CO DIEN	Vietnamese
2	HOANG MINH THUONG	P4	80	1	8	24	63	CO DIEN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HOANG	P4	81	1	10		70	CO DIEN	Vietnamese
4	NGUYEN DUONG HOE	BK15	71	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
5	KRAVTSOV ALEXSANDER	BK15	76	1	12		73	DVL	Russian
6	TRAN QUOC TOAN	BK15	77	1	12		83	XAYLAP	Vietnamese
7	LUONG XUAN QUANG	BK15	70	1	15		57	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN DUC LOI	BK15	72-73	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TAN	BK15	75	1	17		52	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN ANH PHUC	BK15	67	1	7	20	52	XAYLAP	Vietnamese
11	QUAN VAN KHANH	BK15	66	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAM VAN TUYEN	BK15	62-63	2	12		76	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG VAN HUNG	BK15				24	76	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐANG VAN DAN	BK15	78	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG VAN SON	BK15	64-65	2	10	19	72	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRUNG (1975)	BK15	59	1	7		74	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NANG	BK15	79	1	5		63	PSV	Vietnamese
18	PHAM HUYNH VU	P10	57	1	3	35	72	KH THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	3	3	26	219	24	0		
2	BK15	14	16	145	946	63	2		
3	P10	1	1	3	72	35	20		
TOTAL		18	20	174	1.237	122	22		
WEIGHT KG				174	1.237	122			

GRAND TOAL: 1.533 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD5+P9	7:25	20+1+0	0+0+0		7+9+4	0+0+0	Chuyến 5 TD3-TD5
2		TD5+RP1	7:25	18+4	0+0		14+7	0+0	
3		RP3	7:25	22	0		22	0	
4		MRM	9:25	21	0		22	0	
5		RP3+RP2+TD3	9:25	15+5+2	0+0+0		8+9+5	0+0+0	
6		TD1+MRM+PPD	9:25	10+6+5	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
7		BK16+P1+TD3	11:25	2+8+12	0+0+0		0+0+22	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày : TD3 - 15 người
2/ 3 người TD5 về bờ đi TD1

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2023	TO: TD3 - TD5 - P9	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.Cương - N.Nam	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOV AV	TD3	04	1	3		93	ĐH	Russian
2	NGUYỄN HỒNG GIANG	TD3	05	1	3		67	ĐH	Vietnamese
3	LARIN MK	TD3					100	ĐH	Russian
4	PHẠM VĂN QUÂN	TD3	89,81	2	5		66	ĐH	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀI VŨ	TD3					65	ĐH	Vietnamese
6	TARGANOV	TD3					93	TTANTOAN	Russian
7	TRẦN NGỌC BÌNH	TD3					62	TTCNTT	Vietnamese
8	PHẠM TUÂN VIỆT	TD3					90	CCĐK9	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC DŨNG	TD3					75	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VIỆT THANH	TD3				40	72	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN LÂM	TD3					72	KH-THAC	Vietnamese
12	BANHIKOV	TD3	09	1	3		90	XAYLAP	Russian
13	NGUYỄN THẾ VĂN	TD3	06	1	3		72	XAYLAP	Vietnamese
14	AVDEEV	TD3	08	1	5		120	NIPI	Russian
15	OSINOV	TD3	07	1	4		95	NIPI	Russian
16	TRẦN CẢNH THẠCH	TD3	03	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC DŨNG	TD3	84	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGO DUY THANH	TD3	01	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ TU HOP	TD3	02	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
20	ĐÀU SY DIEP	TD3	82-83	2	8		75	KHOAN	Vietnamese
21	STARZINSKI	TD5	62	1	5	70	90	DIEU HANH	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	20	14	50	1.577	40	7	5	CHUYỂN 05 PAX TỪ TD3 SANG TD5
2	TD5	1	1	5	90	70	9		
3	P9	0	0	0	0	12	4		
TOTAL		21	15	55	1.667	122	20		
WEIGHT KG				55	1.667	122			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

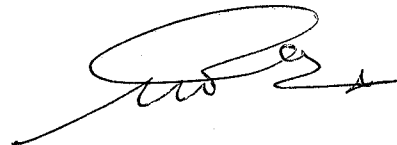
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2023	TO: TD5 - RP1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐỨC - thông - DSon	ETA: 09:25
VANG-1			

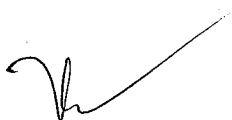
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	30	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN CAO DANH	TD5	46	1	8		58	KHOAN	Vietnamese
3	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	34	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
4	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	36	1	8	8	70	KHOAN	Vietnamese
5	HỒ VĂN TIẾN	TD5	42	1	3	10	63	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH TUE	TD5	35	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN THUY	TD5	32	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MINH CÔNG	TD5	40	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN CAO KHÁNH	TD5	33	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	TRƯƠNG HUY BÌNH	TD5	29	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẠO QUANG MINH	TD5	45	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
12	HA THANH TUNG	TD5					82	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÌNH QUANG CHIẾN	TD5	38	1	14		75	KHOAN	Vietnamese
14	VÕ XUÂN	TD5	37	1	13		88	ANTOAN	Vietnamese
15	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	39	1	5		77	PSV	Vietnamese
16	PHẠM VĂN DUY	TD5	47	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
17	LE ANH NGUYEN	TD5	44	1	15		63	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH BANG	RP1	31	1	10	50	90	PSV	Vietnamese
19	VŨ XUÂN TIẾN	RP1	55	1	10		70	PSV	Vietnamese
20	TRẦN HIỆP	RP1	56	1	5	80	68	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TUÂN	RP1	57	1	4		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

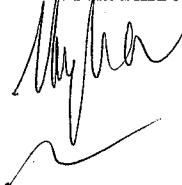
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	17	16	121	1.193	18	14		
2	RP1	4	4	29	305	130	7		
TOTAL		21	20	150	1.498	148	21		
WEIGHT KG				150	1.498	148			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: RP3	CREW: Dương - MMinh - PTUẤN	ETA: 09:30
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH NAM	RP3	20-21	2	11		65	KHI	Vietnamese
2	TRÌNH HOÀNG THÈM	RP3	30	1	5		66	KHI	Vietnamese
3	LÊ HOÀNG ANH	RP3	28	1	5	94	68	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HOÀNG	RP3	26	1	8		83	KHI	Vietnamese
5	LÊ VĂN MẠNH	RP3	17	1	10		80	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TÂN HOÀNG	RP3	15	1	5		68	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN BA TRIỆT	RP3	18	1	10		70	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN ĐẠI	RP3	13	1	9		73	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU TRÌNH	RP3	14	1	11		78	KHI	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN HÙNG	RP3	16	1	7		80	KHI	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN HUY	RP3	29	1	11		68	KHI	Vietnamese
12	TRIỆU VĂN ĐÔNG	RP3	27	1	9		83	KHI	Vietnamese
13	TRỊNH VĂN SỸ	RP3	36	1	7		85	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUY	RP3	19	1	5		53	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN KIM TUẤN	RP3	33	1	8		92	KHI	Vietnamese
16	THẠCH TÀI	RP3	23-24	2	11		89	KHI	Vietnamese
17	LÊ BA CUÔNG	RP3	35	1	7		63	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CAO	RP3	25	1	15		62	CODIEN	Vietnamese
19	TRẦN CAO TUẤN	RP3	22	1	9		65	CODIEN	Vietnamese
20	HOÀNG ĐỨC HAI	RP3	34	1	12		68	CODIEN	Vietnamese
21	HÀ QUANG HUY	RP3	11-12	2	15		67	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC BIỂU	RP3	31-32	2	20		64	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	26	210	1.590	94	22		
TOTAL		22	26	210	1.590	94	22		
WEIGHT KG				210	1.590	94			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: MRM	CREW: TUYỀN - N.Cường - N.Nam	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHOKHIN IGOR	MRM	88	1	12		106	AMNGR	Russian
2	SUKHANOV EGOR	MRM	85	1	17		97	AMNGR	Russian
3	DEREVIANKO NIKOLAI	MRM	78	1	7		90	AMNGR	Russian
4	MOSHKIN SERGEI	MRM	82-83	2	18		95	AMNGR	Russian
5	KURSHEV SERGEI	MRM	96	1	10		75	AMNGR	Russian
6	RULEV SEMEN	MRM	93	1	17		108	AMNGR	Russian
7	BITSUTIN VLADISLAV	MRM	95	1	13		102	AMNGR	Russian
8	SHURUPOV PAVEL	MRM	89	1	12	15	95	AMNGR	Russian
9	ZASTAVNYI VASILII	MRM	86	1	12		80	AMNGR	Russian
10	TARANENKO ALEKSEI	MRM	94	1	10		115	AMNGR	Russian
11	ZHESTKOV IGOR	MRM	97	1	14		115	AMNGR	Russian
12	GRIGORIEV ALEKSANDR	MRM	84	1	15		66	AMNGR	Russian
13	KIRICHENKO K.P.	MRM	99	1	6		81	KHOAN	Russian
14	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	MRM	81	1	15		83	DVL	Vietnamese
15	VŨ HAI THĂNG	MRM	79	1	15		75	DVL	Vietnamese
16	TRẦN VĂN MẠNH	MRM	91-92	2	9		71	DVL	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN HÙNG	MRM	80	1	15		71	DVL	Vietnamese
18	PHẠM TÙNG VỸ	MRM	98	1	14		66	DVL	Vietnamese
19	DƯƠNG THẾ ĐỨC	MRM				5	80	DVL	Vietnamese
20	DUONG TRUNG KIEN	MRM	51-52	2	15		61	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

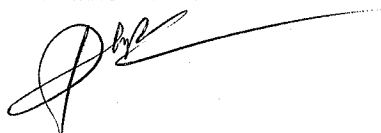
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	20	22	246	1.732	20	22		
	TOTAL	20	22	246	1.732	20	22		
	WEIGHT KG			246	1.732	20			

GRAND TOAL: 1.998 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2023	TO: RP3 - RP2 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Dương - MMinh - PTUẤN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN SƠN TÙNG	RP3	71	1	9	15	68	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN DANH TRUNG	RP3	76-77	2	18	15	70	CODIEN	Vietnamese
3	CAO HOÀI THUỜNG	RP3	57-58	2	14		65	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	RP3	73-74	2	13	7	76	CODIEN	Vietnamese
5	BUI VĂN MINH	RP3	69-70	2	14		60	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VŨ VIỆT LONG	RP3	59	1	7	15	67	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	RP3	55-56	2	11		60	T-TIN	Vietnamese
8	HỒ NGỌC THANH	RP3	62	1	6	40	55	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VY	RP3	64	1	5		68	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP3	63	1	4		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY CHÍNH	RP3	66	1	3		60	PSV	Vietnamese
12	TRẦN THANH HAI	RP3	61	1	5		60	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH QUANG	RP3	67	1	5		63	PSV	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC CHI	RP3	65	1	5		58	PSV	Vietnamese
15	HOANG MINH THIÊN	RP3	68	1	5		72	PSV	Vietnamese
16	BAMBUROV E.N.	RP2	56	1	5		97	KH-THAC	Russian
17	MIRSANOV	RP2	57	1	7		105	KH-THAC	Russian
18	LÊ QUANG TUẤN	RP2	58	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐỨC TOÀN	RP2	59	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
20	NGÔ HỮU HUY TŨ	RP2	55	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	PODKATILIN A.N	TD3	87	1	8		80	KHOAN	Russian
22	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	88	1	10		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	15	20	124	967	92	8		
2	RP2	5	5	30	438	0	9		
3	TD3	2	2	18	145	0	5		
TOTAL		22	27	172	1.550	92	22		
WEIGHT KG				172	1.550	92			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

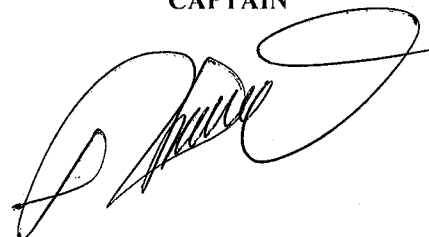
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: TD1 - MRM - PPD	CREW: ĐỨC - TĐông - DSon	ETA: 11:50
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH VIET THANG	TD1	31	1	9	20	78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	30	1	4		88	KHOAN	Vietnamese
3	MAI ANH TUAN	TD1	28	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
4	VU QUY VINH	TD1	23	1	8	18	74	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN NGOC THAI	TD1	26	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TUYEN	TD1	27	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN MANH	TD1	29	1	12		59	KHOAN	Vietnamese
8	DOAN VAN KHUU*	TD1	22	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HAI LAM*	TD1	20	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN TRI*	TD1	21	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC BINH	MRM	50	1	15		68	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG HOANG	MRM	49	1	9		67	DVL	Vietnamese
13	HOANG VAN THU	MRM	53	1	6		71	PSV	Vietnamese
14	PHAM NGOC QUAN	MRM	54	1	5		74	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN HUY DUNG	MRM	02	1	5		72	PSV	Vietnamese
16	KVATERA ANDREI	MRM	23-24	2	15		107	KHOAN	Russian
17	NIKULIN DENIS	MRM	25	1	15		136	KHOAN	Russian
18	LE VAN LANH	PPD	82	1	5		53	KHI	Vietnamese
19	HA HUYNH XUAN CUONG	PPD	81	1	7	11	62	KHI	Vietnamese
20	LE PHI HAU	PPD	80	1	6	28	64	KHI	Vietnamese
21	MAI DUY TAN	PPD	05-06	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG THANH SON	PPD	07	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	10	10	79	714	38	0		
2	MRM	7	8	70	595	0	6		
3	PPD	5	6	48	317	39	16		
TOTAL		22	24	197	1.626	77	22		
WEIGHT KG				197	1.626	77			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: BK16 - P1 - TD3	CREW: TUYỀN - Sơn - Vũ	ETA: 14:00
XANH-3			

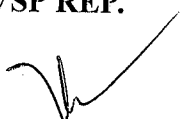
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO XUÂN DŨNG	BK16	12	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRI PHƯỚC	BK16	13	1	6		73	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN NHẬT TÂN	P1	72-73	2	15	12	75	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC KHOA	P1	69-70	2	8	17	90	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN HUU HO	P1	62	1	7	20	68	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC THE	P1	77	1	13		73	XAYLAP	Vietnamese
7	HA DUC HUNG	P1	75-76	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TIEN QUYEN	P1	66	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HAI HUNG	P1	64-65	2	20		56	XAYLAP	Vietnamese
10	LE VAN HUNG	P1	67-68	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG DUY LINH	TD3	98	1	9		75	SEAMAP	Vietnamese
12	TRẦN CÔNG MINH	TD3	92	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN TUÂN	TD3	97	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	96	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU NHÂN	TD3	90	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	TD3	91	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	93-94	2	9		67	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN DU	TD3	86	1	3		62	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG LONG	TD3	95	1	12		69	DVL	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ĐỨC	TD3	87,99	2	17		79	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU ĐỨC	TD3	88	1	8	15	80	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC HIẾP	TD3	99,300	2	5	76	69	SEAMAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

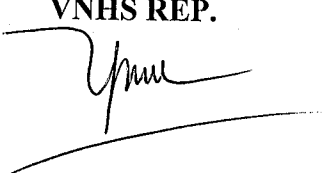
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	2	2	18	148	0	0		
2	P1	8	13	118	549	49	0		
3	TD3	12	15	84	840	91	22		
TOTAL		22	30	220	1.537	140	22		
WEIGHT KG				220	1.537	140			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

